



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014

**CÔNG TY TNHH
MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ
CƠ QUAN NƯỚC NGOÀI**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	14 - 31
8. Phụ lục	32

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty TNHH một thành viên dịch vụ cơ quan nước ngoài được thành lập theo Quyết định số 3136/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2010 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300540207, đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 8 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần 03 ngày 05 tháng 07 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 230.601.000.000 VND

Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ : 124 Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84-8) 38295794 - 38293513

Fax : (84-8) 38230439

E-mail : info@fosco.vn

Mã số thuế : 0300540207

Hoạt động chính của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Hoạt động tư vấn quản lý;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động;
- Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm;
- Giáo dục mầm non;
- Giáo dục tiểu học;
- Xây dựng nhà các loại;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Hoạt động viễn thông khác;
- Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu;
- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 32).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Hội đồng thành viên và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng thành viên và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng thành viên

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Phạm Ngọc Hữu	Chủ tịch	24 tháng 3 năm 2012	31 tháng 12 năm 2014
Ông Nguyễn Tấn Tài	Thành viên	01 tháng 4 năm 2012	-
Ông Hồ Trọng Trí	Thành viên	29 tháng 9 năm 2011	-

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Trần Thị Ngọc Dung	Thành viên	09 tháng 8 năm 2010	-
Ông Lương Thanh Điền	Thành viên	09 tháng 8 năm 2010	-

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Tấn Tài	Tổng Giám đốc	01 tháng 4 năm 2012	-
Ông Phan Tiến Công	Phó Tổng Giám đốc	21 tháng 9 năm 2010	-
Bà Phan Thị Thanh Xuân	Phó Tổng Giám đốc	21 tháng 9 năm 2010	-
Ông Trần Công Thanh	Phó Tổng Giám đốc	30 tháng 3 năm 2012	-

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CƠ QUAN NƯỚC NGOÀI
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ cơ quan nước ngoài tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Công Thanh
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 3 năm 2015





Số: 0322/2015/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CHỦ SỞ HỮU, HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CƠ QUAN NƯỚC NGOÀI**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH một thành viên dịch vụ cơ quan nước ngoài, được lập ngày 06 tháng 3 năm 2015, từ trang 07 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Chúng tôi chưa có đủ cơ sở để xem xét tính đúng đắn và hợp lý của các khoản phải trả, phải nộp khác có số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2014 lần lượt là 45.278.636.286 VND và 35.403.597.511 VND (xem thuyết minh V.17) do Công ty chưa chi tiết được số dư theo từng đối tượng.
- Công ty hạch toán chi phí tiền thuê đất các năm 2011, 2012 và 2013 theo hướng dẫn tại Nghị định 121/2010/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ và Thông báo số 6142/STC-BVG ngày 08 tháng 7 năm 2013 của Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh nhưng chưa có thông báo chính thức từ cơ quan thuế. Tuy nhiên nếu trích đúng theo hướng dẫn nêu trên thì khoản chi phí tiền thuê đất được bổ sung và tăng thêm là 4.974.444.200 VND trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2013 ở chỉ tiêu “Chi phí quản lý doanh nghiệp”, chỉ tiêu “Lợi nhuận sau thuế” tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 sẽ giảm đi tương ứng là 4.974.444.200 VND.



Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH một thành viên dịch vụ cơ quan nước ngoài tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Quỹ tiền lương năm 2013 của Công ty chưa được duyệt, Công ty tạm trích theo Thông báo số 9059/SLĐTBXH-LĐ ngày 11 tháng 9 năm 2012 của Sở Lao động thương binh và xã hội TP. Hồ Chí Minh về việc giao đơn giá tiền lương năm 2012 cho Công ty với đơn giá là 282 VND/1.000 VND doanh thu thuần và lương thuê ngoài sẽ quyết toán theo sổ thực chi.

Quỹ tiền lương năm 2014 của Công ty tạm trích bằng 80% quỹ lương thực hiện năm 2013 theo Thông báo số 16812/SLĐTBXH-LĐ ngày 21 tháng 10 năm 2014 của Sở Lao động thương binh và xã hội TP. Hồ Chí Minh.

Khi quỹ lương năm 2013 và 2014 được duyệt sẽ ảnh hưởng đến Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2013 và năm 2014.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Bùi Văn Khá - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0085-2013-008-1

Mai Xuân Phương - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2806-2014-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2015

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CƠ QUAN NƯỚC NGOÀI

Địa chỉ: 124 Nguyễn Đình Chiểu, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		335.449.120.331	343.118.650.779
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	306.117.729.302	279.479.052.194
1. Tiền	111		19.565.729.302	5.732.052.194
2. Các khoản tương đương tiền	112		286.552.000.000	273.747.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	30.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	30.000.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu	130		27.418.051.138	31.810.293.170
1. Phải thu của khách hàng	131	V.2	3.903.668.405	6.145.674.796
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	21.252.067.138	21.257.985.716
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	V.4	2.654.900.953	4.634.582.403
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	V.5	(392.585.358)	(227.949.745)
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
1. Hàng tồn kho	141		-	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.913.339.891	1.829.305.415
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.14	460.539.891	147.535.415
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.6	1.452.800.000	1.681.770.000

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CƠ QUAN NƯỚC NGOÀI

Địa chỉ: 124 Nguyễn Đình Chiểu, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		96.180.770.119	98.150.680.898
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		86.500.123.146	86.375.118.859
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	2.641.431.701	3.784.378.564
<i>Nguyên giá</i>	222		44.962.916.679	44.437.943.265
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(42.321.484.978)	(40.653.564.701)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	39.313.422	193.987.112
<i>Nguyên giá</i>	228		485.621.070	485.621.070
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(446.307.648)	(291.633.958)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.9	83.819.378.023	82.396.753.183
III. Bất động sản đầu tư	240	V.10	8.716.789.850	10.369.133.492
<i>Nguyên giá</i>	241		46.825.164.582	46.825.164.582
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		(38.108.374.732)	(36.456.031.090)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		963.857.123	1.406.428.547
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	663.857.123	1.106.428.547
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.12	300.000.000	300.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		431.629.890.450	441.269.331.677

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CƠ QUAN NƯỚC NGOÀI

Địa chỉ: 124 Nguyễn Đình Chiểu, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		139.857.897.846	133.242.174.510
I. Nợ ngắn hạn	310		82.047.111.139	78.259.183.963
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312	V.13	1.037.091.015	548.812.085
3. Người mua trả tiền trước	313		52.940.014	906.085.198
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.14	1.465.185.206	2.925.451.325
5. Phải trả người lao động	315	V.15	7.759.622.354	12.322.050.400
6. Chi phí phải trả	316	V.16	19.280.200.430	10.037.188.035
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.17	37.175.853.867	47.254.856.206
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.18	15.276.218.253	4.264.740.714
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	320		57.810.786.707	54.982.990.547
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.19	52.221.266.128	49.938.726.684
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	V.20	5.589.520.579	5.044.263.863
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		291.771.992.604	308.027.157.167
I. Vốn chủ sở hữu	410		291.771.992.604	308.027.157.167
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.21	230.601.000.000	144.921.991.528
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.21	59.997.345.787	20.000.000.000
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.21	-	8.840.408.610
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.21	1.173.646.817	134.264.754.029
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		431.629.890.450	441.269.331.677

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CƠ QUAN NƯỚC NGOÀI

Địa chỉ: 124 Nguyễn Đình Chiểu, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết	Số cuối năm	Số đầu năm
	minh		
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		1.013.504.507	1.013.504.507
5. Ngoại tệ các loại: Dollar Mỹ (USD)		513.594,45	776.624,13
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 3 năm 2015


Trần Hoàng Nguyệt
Người lập biểu


Vũ Thanh Hoàng
Kế toán trưởng



P. **TRẦN CÔNG THANH**
Tổng Giám đốc

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CƠ QUAN NƯỚC NGOÀI

Địa chỉ: 124 Nguyễn Đình Chiểu, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

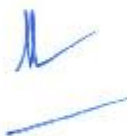
BÁO CÁO TÀI CHÍNH


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	122.138.150.592	122.232.556.830
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	03	VI.1	148.622.727	172.928.831
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	121.989.527.865	122.059.627.999
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	16.208.764.720	11.395.646.011
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		105.780.763.145	110.663.981.988
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	17.573.065.311	24.195.179.991
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.4	88.729.973.088	92.715.278.865
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		34.623.855.368	42.143.883.114
11. Thu nhập khác	31	VI.5	6.152.438.418	22.906.402.896
12. Chi phí khác	32	VI.6	2.737.447.819	2.855.719.208
13. Lợi nhuận khác	40		3.414.990.599	20.050.683.688
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		38.038.845.967	62.194.566.802
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	11.002.901.869	17.934.074.526
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>27.035.944.098</u>	<u>44.260.492.276</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	-


Trần Hoàng Nguyệt
Người lập biểu


Vũ Thanh Hoàng
Kế toán trưởng


TRẦN CÔNG THANH


P. Tổng Giám đốc

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CƠ QUAN NƯỚC NGOÀI

Địa chỉ: 124 Nguyễn Đình Chiểu, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		38.038.845.967	62.194.566.802
2. Điều chỉnh cho các khoản:		V.7		
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.8, V.10	3.474.937.609	4.048.552.523
- Các khoản dự phòng	03	V.5	164.635.613	227.949.745
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(17.284.625.848)	(43.585.764.000)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		24.393.793.341	22.885.305.070
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		2.041.652.957	24.242.381.369
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		-	-
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(4.199.287.770)	(13.770.898.991)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		442.571.424	247.623.727
- Tiền lãi vay đã trả	13		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.14	(12.408.004.077)	(18.218.554.952)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		1.483.903.825	112.392.419
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(5.277.850.723)	(11.520.340.360)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		6.476.778.977	3.977.908.282
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.7, V.9 VII	(2.050.896.304)	(27.750.448.542)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		30.000.000.000	254.144.500.000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.4, VI.3	19.214.574.834	23.887.356.772
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		47.163.678.530	250.281.408.230

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CƠ QUAN NƯỚC NGOÀI

Địa chỉ: 124 Nguyễn Đình Chiểu, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014


Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.21	(27.001.780.399)	(5.420.878.562)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(27.001.780.399)	(5.420.878.562)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		26.638.677.108	248.838.437.950
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	279.479.052.194	30.640.614.244
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	306.117.729.302	279.479.052.194

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 3 năm 2015



Trần Hoàng Nguyệt
Người lập biểu



Vũ Thành Hoàng
Kế toán trưởng



TRẦN CÔNG THANH
P. Tổng Giám đốc

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CƠ QUAN NƯỚC NGOÀI

Địa chỉ: 124 Nguyễn Đình Chiểu, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Nhà nước.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Dịch vụ cho cơ quan nước ngoài (cho thuê nhà và thuê lao động); Sửa chữa nhà, trang trí nội thất trong nội bộ Công ty; Xây dựng công nghiệp, xây dựng dân dụng; Dịch vụ viễn thông; Dịch vụ văn phòng (photocopy, đánh máy, in lazer, vi tính); Cho thuê nhà; Giáo dục mầm non; Giáo dục bậc tiểu học; Dịch vụ giới thiệu việc làm.
4. **Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 Công ty có 251 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 256 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014 Bộ Tài chính đã ban hành các thông tư sau:

- Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/209/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.
- Thông tư số 202/2014/TT-BTC về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất thay thế cho các hướng dẫn liên quan đến lập Báo cáo tài chính hợp nhất tại Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CƠ QUAN NƯỚC NGOÀI

Địa chỉ: 124 Nguyễn Đình Chiểu, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các quy định của các thông tư này được áp dụng cho việc ghi sổ, lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2015 trở đi.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

4. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CƠ QUAN NƯỚC NGOÀI

Địa chỉ: 124 Nguyễn Đình Chiểu, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 40
Máy móc và thiết bị	03 - 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05

5. Tài sản thuê hoạt động

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

6. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Chi phí xây dựng trang web

Chi phí xây dựng trang web của Công ty, được phân bổ trong 03 năm.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CƠ QUAN NƯỚC NGOÀI

Địa chỉ: 124 Nguyễn Đình Chiểu, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang không được tính khấu hao.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

11. Trợ cấp thôi việc

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Mức chi trả trợ cấp thôi việc bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 01 năm làm việc đối với thời gian người lao động không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

12. Nguồn vốn kinh doanh

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty là vốn đầu tư do Ngân sách Nhà nước cấp và được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư.

13. Trích lập các quỹ

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập theo Nghị quyết Hội đồng thành viên hàng năm.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CƠ QUAN NƯỚC NGOÀI

Địa chỉ: 124 Nguyễn Đình Chiểu, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

15. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2013 : 21.090 VND/USD
31/12/2014 : 21.380 VND/USD

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được trình bày ở thuyết minh số IV.5.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

17. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CƠ QUAN NƯỚC NGOÀI

Địa chỉ: 124 Nguyễn Đình Chiểu, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

18. **Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu**

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

19. **Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

20. **Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CƠ QUAN NƯỚC NGOÀI

Địa chỉ: 124 Nguyễn Đình Chiểu, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	105.050.962	379.285.187
Tiền gửi ngân hàng	19.460.678.340	5.352.767.007
Các khoản tương đương tiền (*)	286.552.000.000	273.747.000.000
Cộng	<u>306.117.729.302</u>	<u>279.479.052.194</u>

(*) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng.

2. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu tiền thuê nhà, tiền học phí	3.262.268.405	5.512.974.796
Các khoản phải thu hạch toán theo phiếu báo chưa được cân trừ	641.400.000	632.700.000
Cộng	<u>3.903.668.405</u>	<u>6.145.674.796</u>

3. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần xây dựng số 14	20.600.000.000	20.600.000.000
Công ty Nam Trung Phát	-	160.000.000
Chi nhánh Công ty cổ phần công nghệ thiết bị và kiểm định xây dựng	-	94.058.200
Công ty TNHH thương mại - Dịch vụ - Xây dựng - Địa ốc Duy Điền	100.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	552.067.138	403.927.516
Cộng	<u>21.252.067.138</u>	<u>21.257.985.716</u>

4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	2.444.205.048	4.374.154.034
Bảo hiểm xã hội nộp thừa	55.395.905	103.428.369
Phải thu khác	155.300.000	157.000.000
Cộng	<u>2.654.900.953</u>	<u>4.634.582.403</u>

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 01 năm	183.645.000	132.198.480
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	108.168.184	2.861.491
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	13.371.174	-
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên	87.401.000	92.889.774
Cộng	<u>392.585.358</u>	<u>227.949.745</u>

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CƠ QUAN NƯỚC NGOÀI

Địa chỉ: 124 Nguyễn Đình Chiểu, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

Số đầu năm	227.949.745
Trích lập dự phòng bổ sung	164.635.613
Số cuối năm	392.585.358

6. Tài sản ngắn hạn khác

Các khoản tạm ứng của nhân viên.

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	27.046.562.418	10.982.980.616	6.244.829.931	163.570.300	44.437.943.265
Mua sắm mới	-	-	479.973.414	45.000.000	524.973.414
Số cuối năm	27.046.562.418	10.982.980.616	6.724.803.345	208.570.300	44.962.916.679
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	16.815.148.798	8.986.041.187	5.546.973.977	220.172.624	31.568.336.586
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	24.351.375.910	10.206.006.683	5.957.685.048	138.497.060	40.653.564.701
Khấu hao trong năm	972.576.742	489.972.143	193.659.692	11.711.700	1.667.920.277
Số cuối năm	25.323.952.652	10.695.978.826	6.151.344.740	150.208.760	42.321.484.978
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	2.695.186.508	776.973.933	287.144.883	25.073.240	3.784.378.564
Số cuối năm	1.722.609.766	287.001.790	573.458.605	58.361.540	2.641.431.701
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	485.621.070	291.633.958	193.987.112
Tăng trong năm	-	154.673.690	-
Số cuối năm	485.621.070	446.307.648	39.313.422
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CƠ QUAN NƯỚC NGOÀI

Địa chỉ: 124 Nguyễn Đình Chiểu, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Mua sắm TSCĐ	-	479.973.414	(479.973.414)	-
Xây dựng cơ bản dở dang	82.396.753.183	1.422.624.840	-	83.819.378.023
<i>Dự án 64 Phó Đức Chính</i>	<i>81.400.382.135</i>	<i>1.172.853.021</i>	-	<i>82.573.235.156</i>
<i>Công trình phần mềm trang bị cho trung tâm cung ứng lao động</i>	<i>630.164.500</i>		-	<i>630.164.500</i>
<i>Công trình Khách sạn Quảng trường Quốc tế 39 Nguyễn Thị Minh Khai</i>	<i>121.851.819</i>	<i>66.636.364</i>	-	<i>188.488.183</i>
<i>Các công trình khác</i>	<i>244.354.729</i>	<i>183.135.455</i>	-	<i>427.490.184</i>
Cộng	82.396.753.183	1.902.598.254	(479.973.414)	83.819.378.023

10. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	46.825.164.582	36.456.031.090	10.369.133.492
Tăng trong năm	-	1.652.343.642	-
Số cuối năm	46.825.164.582	38.108.374.732	8.716.789.850

Nguyên giá bất động sản đầu tư đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 23.192.003.127 VND.

11. Chi phí trả trước dài hạn

Là chi phí công cụ, dụng cụ có thời gian phân bổ 02 năm.

Số đầu năm	1.106.428.547
Kết chuyển vào chi phí SXKD	(442.571.424)
Số cuối năm	663.857.123

12. Tài sản dài hạn khác

Tiền ký quỹ dịch vụ việc làm.

13. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các nhà cung cấp về mua sắm tài sản cố định	24.792.018	71.090.068
Các nhà cung cấp khác	1.012.298.997	477.722.017
Cộng	1.037.091.015	548.812.085

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	107.772.687	7.501.027.246	(7.556.191.156)	52.608.777
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.817.678.637	11.002.901.869	(12.408.004.077)	1.412.576.429
Thuế thu nhập cá nhân (*)	(147.535.415)	1.861.478.755	(2.174.483.231)	(460.539.891)
Tiền thuế đất	-	10.841.595.168	(10.841.595.168)	-
Thuế thu nhập cá nhân nộp hộ	-	122.041.460.909	(122.041.460.909)	-
Các loại thuế khác	-	11.000.000	(11.000.000)	-
Cộng	2.777.915.909	153.259.463.947	(155.032.734.541)	1.004.645.315

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CƠ QUAN NƯỚC NGOÀI

Địa chỉ: 124 Nguyễn Đình Chiểu, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (*) Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa được trình bày ở chi tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Cho thuê nhà, hoạt động ủy thác, tiền điện, điện thoại	10%
- Tiền nước	05%

Hoạt động trường học không thuộc diện chịu thuế giá trị gia tăng.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	38.038.845.967	62.194.566.802
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	11.126.827.779	9.541.731.301
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	49.165.673.746	71.736.298.103
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	10.816.448.224	17.934.074.526
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	186.453.645	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	11.002.901.869	17.934.074.526

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất theo thông báo của Cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

15. Phải trả người lao động

Quỹ tiền lương năm 2014 của Công ty tạm trích theo Thông báo số 16812/SLĐTĐBXH-LĐ ngày 21 tháng 10 năm 2014 của Sở lao động thương binh và xã hội TP. Hồ Chí Minh về việc rà soát các quy chế và tạm ứng quỹ tiền lương năm 2014. Trong thời gian các sở ngành quyết toán lương năm 2013 theo quy định, quỹ tiền lương thực hiện năm 2013 làm cơ sở để tạm ứng năm 2014 là quỹ lương đã hạch toán vào giá thành trong báo cáo tài chính năm 2013.

16. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trích trước tiền thuê đất từ 2011 đến 2014	19.195.200.430	9.952.188.035
Chi phí khác	85.000.000	85.000.000
Cộng	19.280.200.430	10.037.188.035

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CƠ QUAN NƯỚC NGOÀI

Địa chỉ: 124 Nguyễn Đình Chiểu, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	105.925.328	104.075.176
Phải trả thu hộ nhà Quân Khu 7, Satra	-	246.022.832
Các khoản phải trả hạch toán theo phiếu báo chưa được cân trừ	641.400.000	632.700.000
Các khoản phải trả chưa rõ nội dung, hóa đơn	35.403.597.511	45.278.636.286
Các khoản phải trả khác	1.024.931.028	993.421.912
Cộng	<u>37.175.853.867</u>	<u>47.254.856.206</u>

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Số đầu năm	4.264.740.714
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	15.693.666.947
Tăng khác	1
Chi quỹ	(4.682.189.409)
Số cuối năm	<u>15.276.218.253</u>

19. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thu tiền dự án hợp tác kinh doanh nhà 64 Phố Đức Chính	43.645.654.717	42.618.049.098
Các khoản nhận ký quỹ cho thuê nhà	8.575.611.411	7.320.677.586
Cộng	<u>52.221.266.128</u>	<u>49.938.726.684</u>

20. Doanh thu chưa thực hiện

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền học phí	5.015.498.311	4.534.854.340
Tiền thuê nhà	482.984.392	477.855.605
Khác	91.037.876	31.553.918
Cộng	<u>5.589.520.579</u>	<u>5.044.263.863</u>

21. Vốn chủ sở hữu***Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu***

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm trang 32.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CƠ QUAN NƯỚC NGOÀI

Địa chỉ: 124 Nguyễn Đình Chiểu, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	122.138.150.592	122.232.556.830
- Doanh thu cho thuê nhà	68.701.503.886	72.198.126.828
- Doanh thu dạy học, nuôi dạy trẻ	27.259.876.651	23.986.687.226
- Doanh thu phí dịch vụ trả lương	17.970.743.938	18.043.945.821
- Doanh thu điện, điện thoại, nước thu chi hộ	7.170.788.825	7.117.598.868
- Doanh thu dịch vụ ủy thác nhà	44.686.525	19.882.910
- Doanh thu khác	990.550.767	866.315.177
Các khoản giảm trừ doanh thu (hoàn trả học phí)	(148.622.727)	(172.928.831)
Doanh thu thuần	<u>121.989.527.865</u>	<u>122.059.627.999</u>
Trong đó:		
- Doanh thu thuần cho thuê nhà	68.701.503.886	72.198.126.828
- Doanh thu thuần dạy học, nuôi dạy trẻ	27.111.253.924	23.813.758.395
- Doanh thu thuần phí dịch vụ trả lương	17.970.743.938	18.043.945.821
- Doanh thu thuần điện, điện thoại thu chi hộ	7.170.788.825	7.117.598.868
- Doanh thu thuần dịch vụ ủy thác nhà	44.686.525	19.882.910
- Doanh thu thuần khác	990.550.767	866.315.177

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Phí dịch vụ hoạt động trường học	5.272.012.128	4.575.676.286
Chi phí cải tạo, sửa chữa nhà	10.936.752.592	6.819.969.725
Cộng	<u>16.208.764.720</u>	<u>11.395.646.011</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	17.284.625.848	23.585.764.000
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	134.798.509	150.678.308
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	153.640.954	458.737.683
Cộng	<u>17.573.065.311</u>	<u>24.195.179.991</u>

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	47.907.632.948	54.242.991.556
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.289.196.310	2.570.623.432
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.474.937.609	4.048.552.523
Thuế, phí và lệ phí	18.829.512.021	17.226.663.175
Chi phí dự phòng	402.962.301	442.419.994
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.805.055.410	10.787.576.026
Chi phí bằng tiền khác	4.020.676.489	3.396.452.159
Cộng	<u>88.729.973.088</u>	<u>92.715.278.865</u>

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CƠ QUAN NƯỚC NGOÀI

Địa chỉ: 124 Nguyễn Đình Chiểu, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Thu nhập khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu kinh phí ngoại giao	2.600.000.000	2.600.000.000
Quyền có giá trị kinh tế	-	20.000.000.000
Xử lý công nợ phải trả tồn lâu	246.022.832	-
Xử lý công nợ phải trả không xác định được đối tượng	2.957.264.534	-
Các khoản khác	349.151.052	306.402.896
Cộng	<u>6.152.438.418</u>	<u>22.906.402.896</u>

6. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi hoạt động ngoại giao	2.600.000.000	2.600.000.000
Thuế bị phạt, bị truy thu	137.447.819	253.661.972
Chi phí khác	-	2.057.236
Cộng	<u>2.737.447.819</u>	<u>2.855.719.208</u>

7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.289.196.310	2.570.623.432
Chi phí nhân công	47.907.632.948	54.242.991.556
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.474.937.609	4.035.292.555
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.013.820.130	22.183.222.037
Chi phí khác	23.253.150.811	21.078.795.296
Cộng	<u>104.938.737.808</u>	<u>104.110.924.876</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

Trong năm, Công ty phát sinh các giao dịch liên quan đến tài sản cố định và xây dựng cơ bản như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Mua tài sản cố định bằng cách nhận các khoản nợ	24.792.018	71.090.068
Trả trước tiền mua tài sản cố định và xây dựng cơ bản	20.954.888.436	20.897.888.436

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch với các bên liên quan****Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng thành viên, Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	1.830.125.904	3.740.535.634
Phụ cấp và tiền thưởng	-	288.643.403
Cộng	<u>1.830.125.904</u>	<u>4.029.179.037</u>

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CƠ QUAN NƯỚC NGOÀI

Địa chỉ: 124 Nguyễn Đình Chiểu, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Các thông tin bổ sung về hợp đồng hợp tác kinh doanh

a) *Hợp đồng hợp tác cùng khai thác ngôi nhà tại 35B Phùng Khắc Khoan, quận 1, TP. Hồ Chí Minh*

Một số nội dung chính của Hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 12 tháng 01 năm 1996 và các Phụ lục kèm theo giữa Công ty thủy sản Chiến Thắng và Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ cơ quan nước ngoài:

- Hai bên thoán thuận cùng góp vốn hợp tác khai thác ngôi nhà 35B Phùng Khắc Khoan, quận 1, TP. Hồ Chí Minh.
- Giá trị ngôi nhà theo hiện trạng cùng mặt bằng đang sử dụng được xác định để hợp tác kinh doanh là 1.000.000 USD. Thời gian hợp tác là 20 năm, kể từ ngày 02 tháng 3 năm 1996.
- Mỗi bên đồng ý góp vốn hợp tác với giá trị được xác định như sau:
 - + Công ty thủy sản Chiến Thắng đồng ý góp vốn hợp tác bằng 50% giá trị (500.000 USD) và chuyển nhượng quyền cùng khai thác cho Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ cơ quan nước ngoài 50% giá trị còn lại.
 - + Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ cơ quan nước ngoài đồng ý thanh toán phần được chuyển nhượng là 500.000 USD cho Công ty thủy sản Chiến Thắng.
- Hai bên đồng ý góp vốn với tỷ lệ tham gia theo khả năng của mỗi bên để tiến hành đầu tư sửa chữa, nâng cấp, trang bị ngôi nhà và mặt bằng trên cơ sở dự toán và quyết toán sẽ được 2 bên thỏa thuận.
- Thu nhập hợp tác kinh doanh được phân chia theo tỷ lệ vốn tham gia hợp tác của mỗi bên, gồm vốn góp trên giá trị nhà và vốn tham gia đầu tư sửa chữa, nâng cấp nhà. Tỷ lệ phân chia theo Phụ lục ngày 28 tháng 7 năm 1999 là:

+ Công ty thủy sản Chiến Thắng	:	46,17%
+ Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ cơ quan nước ngoài	:	53,83%
- Chi phí quản lý của mỗi bên là:
 - + Công ty thủy sản Chiến Thắng: 10% (doanh thu thuần - chi phí trang bị ban đầu, hoa hồng, chi phí chung)
 - + Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ cơ quan nước ngoài: 30% (doanh thu thuần - chi phí trang bị ban đầu, hoa hồng, chi phí chung)
- Hết thời hạn hợp đồng, toàn bộ nhà thuê cùng các trang bị cố định gắn liền với nhà được giao nguyên trạng cho Công ty thủy sản Chiến Thắng.

Ngôi nhà này được khấu hao trong vòng 40 năm để đến hết thời hạn của hợp đồng hợp tác kinh doanh thì giá trị còn lại sẽ tương ứng với vốn liên doanh và Công ty sẽ chuyển trả lại cho Công ty thủy sản Chiến Thắng.

b) *Hợp đồng hợp tác xây dựng cao ốc trung tâm giao dịch thương mại quốc tế FOSCO tại số 64 Phó Đức Chính, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP. Hồ Chí Minh*

Một số nội dung chính của Hợp đồng góp vốn đầu tư kinh doanh ngày 10 tháng 6 năm 2010 và các Phụ lục kèm theo giữa Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ cơ quan nước ngoài với Công ty cổ phần tập đoàn Tân Thành Đô và Công ty TNHH Minh Long:

- Mỗi bên đồng ý góp vốn hợp tác với giá trị được xác định như sau:
 - + Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ cơ quan nước ngoài đồng ý góp 40% tổng số vốn đầu tư.
 - + Công ty cổ phần tập đoàn Tân Thành Đô đồng ý góp 38% tổng số vốn đầu tư.
 - + Công ty TNHH Minh Long đồng ý góp 22% tổng số vốn đầu tư.
- Thời hạn hợp tác của các bên theo Hợp đồng là 45 năm kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 10/6/2055.
- Thu nhập hợp tác kinh doanh được phân chia theo tỷ lệ vốn tham gia hợp tác của mỗi bên.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CƠ QUAN NƯỚC NGOÀI

Địa chỉ: 124 Nguyễn Đình Chiểu, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chi giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	306.117.729.302	-	-	-	306.117.729.302
Phải thu khách hàng	2.968.679.359	-	-	934.989.046	3.903.668.405
Các khoản phải thu khác	2.899.505.048	-	-	-	2.899.505.048
Cộng	311.985.913.709	-	-	934.989.046	312.920.902.755
Số đầu năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	279.479.052.194	-	-	-	279.479.052.194
Các khoản đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn	30.000.000.000	-	-	-	30.000.000.000
Phải thu khách hàng	5.606.400.476	-	-	539.274.320	6.145.674.796
Các khoản phải thu khác	4.831.154.034	-	-	-	4.831.154.034
Cộng	319.916.606.704	-	-	539.274.320	320.455.881.024

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CƠ QUAN NƯỚC NGOÀI

Địa chỉ: 124 Nguyễn Đình Chiểu, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	<u>Từ 01 năm trở xuống</u>	<u>Trên 01 năm đến 05 năm</u>	<u>Trên 05 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm				
Phải trả người bán	1.037.091.015	-	-	1.037.091.015
Các khoản phải trả khác	85.000.000	8.575.611.411	-	8.660.611.411
Cộng	1.122.091.015	8.575.611.411	-	9.697.702.426
Số đầu năm				
Phải trả người bán	548.812.085	-	-	548.812.085
Các khoản phải trả khác	85.000.000	7.320.677.586	-	7.405.677.586
Cộng	633.812.085	7.320.677.586	-	7.954.489.671

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ và rủi ro lãi suất.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 trên cơ sở giá trị tài sản thuần. Mức thay đổi của tỷ giá sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tài sản thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	<u>Số cuối năm USD</u>	<u>Số đầu năm USD</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	513.594,45	776.624,13
Phải thu khách hàng	30.000,00	-
Tài sản thuần có gốc ngoại tệ	543.594,45	776.624,13

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CƠ QUAN NƯỚC NGOÀI

Địa chỉ: 124 Nguyễn Đình Chiểu, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do tài sản thuần có gốc ngoại tệ có giá trị nhỏ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn có lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm gửi và kỳ hạn gửi thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu tiền gửi với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	USD	VND	USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	278.000.000.000	400.000,00	258.984.000.000	700.000,00
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần	278.000.000.000	400.000,00	258.984.000.000	700.000,00

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 02% thì lợi nhuận trước thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 5.560.000.000 VND (năm trước giảm/tăng 5.179.680.000 VND).

Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	306.117.729.302	-	279.479.052.194	-	306.117.729.302	-
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	30.000.000.000	-	-	-
Phải thu khách hàng	3.903.668.405	(392.585.358)	6.145.674.796	(227.949.745)	3.903.668.405	(392.585.358)
Các khoản phải thu khác	2.899.505.048	-	4.831.154.034	-	2.899.505.048	-
Cộng	312.920.902.755	(392.585.358)	320.455.881.024	(227.949.745)	312.920.902.755	(392.585.358)

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán	1.037.091.015	548.812.085	1.037.091.015	548.812.085
Các khoản phải trả khác	8.660.611.411	7.405.677.586	8.660.611.411	7.405.677.586
Cộng	9.697.702.426	7.954.489.671	9.697.702.426	7.954.489.671

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CƠ QUAN NƯỚC NGOÀI

Địa chỉ: 124 Nguyễn Đình Chiểu, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính: Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản tiền gửi có kỳ hạn, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 3 năm 2015

Trần Hoàng Nguyệt
Người lập biểu

Vũ Thanh Hoàng
Kế toán trưởng



TRẦN CÔNG THANH
Tổng Giám đốc

044981
ÔNG T
NHỆM H
OÀN VÀ
9 & C
4-TP H

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CƠ QUAN NƯỚC NGOÀI

Địa chỉ: 124 Nguyễn Đình Chiểu, quận 3, TP. Hồ Chí Minh
BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quý đầu tư phát triển	Quý dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	144.921.994.528	20.000.000.000	8.840.408.610	101.179.541.447	274.941.944.585
Chuyển lợi nhuận vào ngân sách Nhà nước	-	-	-	(5.420.878.562)	(5.420.878.562)
Trích quỹ trong năm	-	-	-	(5.110.729.964)	(5.110.729.964)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	44.260.492.276	44.260.492.276
Trả lãi hợp tác kinh doanh	-	-	-	(643.671.168)	(643.671.168)
Số dư cuối năm trước	144.921.994.528	20.000.000.000	8.840.408.610	134.264.754.029	308.027.157.167
Số dư đầu năm nay	144.921.994.528	20.000.000.000	8.840.408.610	134.264.754.029	308.027.157.167
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	27.035.944.098	27.035.944.098
Chuyển nguồn theo biên bản Chi cục tài chính 2012	-	13.005.442.112	(13.005.442.112)	-	-
Tăng vốn từ quỹ đầu tư phát triển	85.679.005.472	(85.679.005.472)	-	-	-
Trích quỹ trong năm	-	112.670.909.148	4.165.033.502	(132.529.609.597)	(15.693.666.947)
Chuyển lợi nhuận vào ngân sách Nhà nước	-	-	-	(27.001.780.399)	(27.001.780.399)
Trả lãi hợp tác kinh doanh	-	-	-	(595.661.314)	(595.661.314)
Điều chỉnh theo báo cáo Chi cục tài chính	-	(1)	-	-	(1)
Số dư cuối năm nay	230.601.000.000	59.997.345.787	-	1.173.646.817	291.771.992.604

Đơn vị tính: VND

Trần Hoàng Nguyệt
Người lập biểu

Vũ Thanh Hoàng
Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 3 năm 2015



Trần Công Thành
Tổng Giám đốc



